

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ hôn nhân gia đình thụ lý số: 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn:

- Ông Lê Huy Đ, sinh năm 1982;
- Ông Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1969;
- Bà Trương Thị H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp Ch, xã PP, huyện CL, tỉnh BT.

- Bà Bùi Võ Lạc G, sinh năm 1984; ĐKTT: 57/25 khu phố 2, phường LC, quận TĐ, thành phố HCM; Hiện cư trú: 17/5 ấp LH, xã VB, huyện CL, tỉnh BT.

- Ông Phan Phi Ph, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp TL, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT.

- Bà Phạm Thị Bé C, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp BT, xã TB, huyện CL, tỉnh TG (bà C ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp MTB, xã MQ, thị xã NN, tỉnh ST; Tạm trú: ấp HT, xã LK, thị xã CL, tỉnh TG).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1 - sinh năm 1988; địa chỉ: **ấp Ch, xã PP, huyện CL, tỉnh Bến Tre.**

Ông Nguyễn Huỳnh H2 - **sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Ch, xã PP, huyện CL, tỉnh Bến Tre** (Ông Nguyễn Huỳnh H2 ủy quyền cho ông Sữ Văn Nh, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp TA, xã LT, huyện CL, tỉnh BT).

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 211, Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, 122, 123, 500, 501, 503 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hòa giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Ông Nguyễn Huỳnh H2 và bà Nguyễn Thị Thu H1 thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm trả lại cho bà Bùi Võ Lạc G số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm trả lại cho ông Phan Phi Ph số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Huy Đ số tiền 67.780.000đ (sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Tấn Th và bà Trương Thị H số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

1.2. Ông Nguyễn Huỳnh H2, bà Nguyễn Thị Thu H1 và bà Phạm Thị Bé C thống nhất đồng ý thỏa thuận: tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa người chuyển nhượng ông Nguyễn Huỳnh H2, bà Nguyễn Thị Thu H1 với bên nhận chuyển nhượng là bà Phạm Thị Bé C, được chứng thực ngày 8/8/2023 tại UBND xã PP, huyện CL, tỉnh BT đối với thửa đất 687, diện tích 225m² và thửa 688, diện tích 226,6m², tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất xã PP, huyện CL, tỉnh BT là vô hiệu.

+ Thửa đất 687, tờ bản đồ số 12, diện tích 225m², địa chỉ thửa đất xã PP, huyện CL, tỉnh BT có tứ cận như sau:

Bắc, Nam, Tây giáp đường.

Đông giáp thửa 388, tờ bản đồ số 12 của Nguyễn Huỳnh H2.

+ Thửa đất 688, tờ bản đồ số 12, diện tích 226,6m², địa chỉ thửa đất xã PP, huyện CL, tỉnh BT có tứ cận như sau:

Bắc giáp đường.

Đông giáp thửa 689, tờ bản đồ số 12 của Lê Minh Phương.

Nam giáp đường và giáp thửa số 08, tờ bản đồ 17 của Hà Thị Cẩm Hồng.

Tây giáp thửa 687, tờ bản đồ số 12 của Nguyễn Huỳnh H2.

Ông Nguyễn Huỳnh H2, bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Phạm Thị Bé C số tiền 2.100.000.000đ (hai tỉ một trăm triệu đồng).

1.3. Ghi nhận ông Nguyễn Huỳnh H2, bà Nguyễn Thị Thu H1 tự thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.5. Về án phí:

- Án phí đối với phần nợ mà bà H1 trả cho bà G: 16.000.000đồng

Bà H1 đồng ý có trách nhiệm trả 8.000.000đồng án phí sơ thẩm. Bà G đồng ý có trách nhiệm trả 8.000.000đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007680 ngày 10/8/2023, hoàn trả lại cho bà G số tiền còn lại là 12.461.000đồng.

- Án phí đối với phần nợ mà bà H1 trả cho ông Ph:

$350.000.000đ \times 2.5\% = 8.750.000đ$ ồng

Bà H1 đồng ý có trách nhiệm trả 4.375.000đồng án phí sơ thẩm. Ông Ph đồng ý có trách nhiệm trả 4.375.000đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007682 ngày 10/8/2023, hoàn trả lại cho ông Ph số tiền còn lại là 4.375.000đồng.

- Án phí đối với phần nợ mà bà H1 trả cho ông Đ:

$67.780.000đ \times 2.5\% = 1.694.000đ$ ồng

Bà H1 đồng ý có trách nhiệm trả 844.000đồng án phí sơ thẩm. Ông Đ đồng ý có trách nhiệm trả 850.000đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007681 ngày 10/8/2023, hoàn trả lại cho ông Đ số tiền còn lại là 844.000đồng.

- Án phí đối với phần nợ mà bà H1 trả cho ông Th, bà H:

$100.000.000đ \times 2.5\% = 2.500.000đ$ ồng.

Bà H1 đồng ý có trách nhiệm trả 1.250.000đồng án phí sơ thẩm. Ông Th và bà H đồng ý có trách nhiệm trả 1.250.000đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007695 ngày 16/8/2023, hoàn trả lại cho ông Th và bà H số tiền 1.250.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền án phí bà H1 có trách nhiệm trả (đối với số tiền nợ của bà G, ông Đ, ông Ph, ông Th và bà H) là 14.496.000đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H2, bà H1 với bà C vô hiệu là:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 150.000đồng, bà C tự nguyện chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.000.000đồng. Bà C tự nguyện chịu 18.500.000đồng án phí, ông H2 và bà H1 tự nguyện chịu 18.500.000đồng.

Số tiền bà C nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0007693, 0007694 ngày 16/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL được khấu trừ sang tiền án phí, hoàn trả cho bà C số tiền còn lại là: 18.650.000đồng.

Số tiền ông H2 nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 612.000đồng theo biên lai số 0004386 ngày 19/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL được khấu trừ sang tiền án phí. Ông H2 và bà H1 còn phải nộp thêm là 17.888.000đồng.

1.6. Chi phí tố tụng là:

Ông Nguyễn Huỳnh H2 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 4.936.000đồng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA + VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)